

BỘ THƯƠNG MẠI
Số: 416/TM-ĐB

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Hà Nội, ngày 13 tháng 5 năm 1996

QUYẾT ĐỊNH
CỦA BỘ TRƯỞNG BỘ THƯƠNG MẠI
SỐ 416/TM-ĐB

NGÀY 13 THÁNG 5 NĂM 1996

BỘ TRƯỞNG BỘ THƯƠNG MẠI

Căn cứ vào Nghị định số 95/CP ngày 4 tháng 12 năm 1993 của Chính phủ về chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và tổ chức bộ máy của Bộ Thương mại;

Căn cứ vào Quyết định số 651/TTg ngày 10-10-1995 của Thủ tướng Chính phủ về việc thành lập Ủy ban Quốc gia điều phối hoạt động của Việt Nam trong ASEAN;

Căn cứ vào Công văn số 356/VPUB ngày 22-01-1996 của Chính phủ về việc chỉ định cơ quan cấp giấy chứng nhận xuất xứ hàng hoá theo hiệp định CEPT;

Theo đề nghị của Vụ trưởng Vụ Tổ chức Cán, Vụ trưởng Vụ Chính sách Thương mại Đa biên,

QUYẾT ĐỊNH;

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy chế cấp giấy chứng nhận xuất xứ ASEAN của Việt Nam - Mẫu D để hưởng các ưu đãi theo "Hiệp định về chương trình ưu đãi thuế quan có hiệu lực chung (CEPT)".

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 3. Chánh Văn phòng, Vụ trưởng Vụ Tổ chức Cán bộ, Vụ trưởng Vụ Chính sách Thương mại Đa biên, Thủ trưởng các cơ quan có liên quan thuộc Bộ Thương mại chịu trách nhiệm thi

hành và hướng dẫn thi hành Quyết định này.

QUY CHẾ

CẤP GIẤY CHỨNG NHẬN XUẤT XỨ HÀNG HOÁ ASEAN CỦA VIỆT NAM - MẪU D ĐỂ HƯỞNG CÁC ƯU ĐÃI THEO "HIỆP ĐỊNH VỀ CHƯƠNG TRÌNH ƯU ĐÃI THUẾ QUAN CÓ HIỆU LỰC CHUNG (CEPT)"

(Ban hành kèm theo Quyết định số 416/TM-ĐB

ngày 13 tháng 5 năm 1996 của Bộ trưởng Bộ thương mại)

I. CÁC QUY ĐỊNH CHUNG:

Điều 1. Định nghĩa:

Giấy chứng nhận xuất xứ hàng hoá ASEAN của Việt Nam - Mẫu D (sau đây gọi tắt là giấy chứng nhận Mẫu D) là giấy chứng nhận xuất xứ hàng hoá do Phòng Quản lý Xuất nhập khẩu khu vực của Bộ Thương mại cấp cho hàng hoá của Việt Nam để hưởng các ưu đãi theo "Hiệp định về chương trình ưu đãi thuế quan có hiệu lực chung (CEPT) để thành lập Khu vực Thương mại tự do ASEAN (AFTA)" (dưới đây gọi là Hiệp định CEPT).

Hiệp định CEPT là Hiệp định quốc tế giữa các nước thành viên ASEAN mà Việt Nam đã ký tham gia tại Băng cốc - Thái lan ngày 15 tháng 12 năm 1995 và được thực hiện từ ngày 1 tháng 1 năm 1996.

Điều 2. Hàng hoá được cấp giấy chứng nhận Mẫu D:

Hàng hoá được cấp giấy chứng nhận Mẫu D là các hàng hoá đáp ứng được đầy đủ các điều kiện về xuất xứ quy định tại Hiệp định CEPT (Thể hiện trong phụ lục 1 của Quy chế này).

Điều 3. Mọi tổ chức, cá nhân (sau đây gọi tắt là người xin cấp giấy chứng nhận Mẫu D) có trách nhiệm tạo điều kiện thuận lợi cho các Phòng Quản lý Xuất nhập khẩu khu vực trong việc xác định chính xác xuất xứ hàng hoá của mình.

II. THỦ TỤC CẤP GIẤY CHỨNG NHẬN MẪU D:

Điều 4. Bộ giấy chứng nhận Mẫu D được cấp gồm một (01) bản chính và ba (03) bản sao.

Điều 5. Hồ sơ xin cấp giấy chứng nhận Mẫu D bao gồm:

1. Giấy chứng nhận Mẫu D (theo mẫu chung do Bộ Thương mại ban hành) đã được khai hoàn chỉnh (theo Điều 1 của phụ lục 3);
2. Giấy chứng nhận kiểm tra xuất xứ hàng hoá (trong trường hợp có yêu cầu kiểm tra) phải phù hợp với các quy chế về xuất xứ quy định tại phụ lục số 1 - trong quy chế này và do Công ty giám định hàng hoá xuất nhập khẩu thuộc Bộ Thương mại cấp (quy định trong phụ lục 4);
3. Tờ khai hải quan đã được thanh khoản;
4. Hoá đơn thương mại;
5. Vận đơn.

Ba loại giấy (số 3, 4, 5) là bản sao có chữ ký và đóng dấu xác nhận sao y bản chính của Thủ trưởng đơn vị (nếu là tổ chức) hoặc có chữ ký và đóng dấu của cơ quan công chứng (nếu là cá nhân) đồng thời mang theo bản chính để đối chiếu.

Điều 6. Người xin cấp giấy chứng nhận Mẫu D phải hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính trung thực của các chi tiết được khai trong giấy chứng nhận Mẫu D.

Điều 7. Trường hợp cần thiết, Phòng Quản lý Xuất nhập khẩu khu vực có thể:

- a. Yêu cầu người xin cấp giấy chứng nhận Mẫu D cung cấp thêm các tài liệu cần thiết để xác định chính xác xuất xứ hàng hoá theo các tiêu chuẩn của Hiệp định CEPT;
- b. Tiến hành kiểm tra tại nơi sản xuất;
- c. Kiểm tra lại các trường hợp đã được cấp giấy chứng nhận Mẫu D.

Điều 8. Thời hạn cấp giấy chứng nhận Mẫu D:

Phòng Quản lý Xuất nhập khẩu khu vực có trách nhiệm cấp giấy chứng nhận Mẫu D trong các thời hạn sau, kể từ khi nhận được hồ sơ xin cấp giấy chứng nhận Mẫu D đầy đủ và hợp lệ:

- 12 giờ làm việc đối với các trường hợp thông thường;
- 24 giờ làm việc đối với các trường hợp được quy định tại khoản a, Điều 7;
- Trong trường hợp được quy định tại khoản b Điều 7, thời hạn có thể chậm hơn nhưng không quá mười lăm (15) ngày làm việc.

Điều 9. Trong những trường hợp quy định tại Điều 18, Phòng Quản lý Xuất nhập khẩu khu vực cấp giấy chứng nhận Mẫu D cho hàng hoá đã được giao trong thời hạn không quá 1 năm kể từ ngày giao hàng. Giấy chứng nhận Mẫu D được cấp trong trường hợp này phải ghi rõ